

## KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

### QUYỂN 400

#### Phẩm 78: BỒ-TÁT PHÁP DŨNG (2)

Lại nữa thiện nam, thí như các loại hình tướng của bóng sáng thấy có dao động chuyển biến sai khác. Nay thiện nam, theo ý ông thì sao? Bóng sáng như thế là từ đâu đến, đi về đâu?

Thường Đề đáp:

– Bóng sáng chẳng thật thì sao có thể nói là có chỗ đến, đi?

Bồ-tát Pháp Dũng nói với Bồ-tát Thường Đề:

– Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói! Nếu ai chấp bóng sáng có đến, đi thì nên biết người ấy là ngu si vô trí. Nếu bảo Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có đến, có đi thì cũng thế, nên biết người ấy là hạng ngu si vô trí. Vì sao? Nay thiện nam, vì tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng thể nương vào sắc thân mà thấy. Như Lai tức là Pháp thân.

Nay thiện nam, Pháp thân của Như Lai tức là chân như, pháp giới của các pháp. Chân như, pháp giới đã chẳng có thể nói có đến, có đi thì Pháp thân của Như Lai cũng như thế, không đến, không đi.

Lại nữa thiện nam, như thành ảo hiện có các thứ vật loại, vật loại ấy tạm có rồi không.

Nay thiện nam, theo ý ông thì sao? Thành ảo ấy có vật loại thì vật loại ấy từ đâu đến rồi đi về đâu?

Thường Đề đáp:

– Vật loại của thành ảo ấy đều chẳng phải thật có thì sao có thể nói là có chỗ đến và có chỗ đi.

Bồ-tát Pháp Dũng nói với Thường Đề:

– Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói! Chấp vật loại của thành ảo có đến, có đi thì nên biết kẻ ấy là hạng ngu si vô trí. Nếu bảo Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có đến, có đi cũng giống như thế, nên biết kẻ ấy là hạng ngu si vô trí. Vì sao? Nay thiện nam, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng thể nương vào các sắc thân mà thấy. Như Lai tức là Pháp thân.

Nay thiện nam, Pháp thân của Như Lai tức là chân như, pháp giới của các pháp. Chân như, pháp giới đã chẳng có thể nói có đến, có đi thì Pháp thân của Như Lai cũng như thế không đến, không đi.

Lại nữa thiện nam, như các sự việc biến hóa của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tạm có rồi không.

Nay thiện nam, theo ý ông thì sao? Các sự biến hóa ấy từ đâu đến và đi về đâu?

Thường Đề đáp:

– Các sự biến hóa đều chẳng phải thực có thì sao có thể nói là có chỗ từ đó đến và có chỗ đi.

Bồ-tát Pháp Dũng nói với Thường Đề:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói! Người nào chấp sự biến hóa có đến, có đi thì nên biết kẻ ấy là hạng ngu si vô trí. Nếu gọi Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có đến, có đi thì cũng giống như thế, nên biết người ấy là hạng ngu si vô trí. Vì sao? Đây thiện nam, vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chẳng thể nương vào sắc thân mà thấy. Như Lai tức là Pháp thân. Pháp thân của Như Lai tức là chân như, pháp giới của các pháp. Chân như, pháp giới đã chẳng thể nói có đến, có đi thì Pháp thân của Như Lai cũng giống như vậy, không đến, không đi.

Lại nữa thiện nam, như người trong mộng thấy có chư Phật, hoặc một vị, hoặc mười vị, hoặc trăm vị, hoặc ngàn vị cho đến vô số vị. Người ấy khi tỉnh mộng rồi, những điều đã thấy đều không.

Này thiện nam, theo ý ông thì sao? Phật đã được thấy trong mộng là từ đâu đến và đi về đâu?

Thường Đề đáp:

–Điều thấy trong mộng đều là hư vọng, hoàn toàn chẳng thật có thì sao có thể nói là có chỗ đến, đi!

Bồ-tát Pháp Dũng nói với Thường Đề:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói! Người nào chấp điều mộng thấy có đến, có đi thì nên biết kẻ ấy là hạng ngu si vô trí. Nếu gọi Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác có đến, có đi thì cũng giống như thế, nên biết người ấy là hạng ngu si vô trí. Vì sao? Đây thiện nam, vì Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chẳng thể nương vào sắc thân mà thấy. Như Lai tức là Pháp thân.

Này thiện nam, Pháp thân của Như Lai tức là chân như, pháp giới của các pháp. Chân như, pháp giới đã chẳng thể nói có đến, có đi thì Pháp thân của Như Lai cũng giống như thế, không đến, không đi.

Lại nữa thiện nam, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói tất cả các pháp như điều thấy trong mộng, như sự biến hóa, như thành ảo, như bóng sáng, như tiếng vang, như ảnh tượng, như trò huyền, như dợn nắng đều chẳng phải thật có. Nếu đối với nghĩa lý sâu xa của pháp mà chư Phật đã thuyết giảng như thế, chẳng biết như thật, chấp thân Như Lai là danh, là sắc, có đến, có đi, thì nên biết kẻ ấy là hạng mê muội về pháp tánh, ngu si vô trí, bị lưu chuyển trong các nẻo, chịu khổ về sinh tử, xa lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa; cũng lại xa lìa tất cả Phật pháp. Nếu đối với nghĩa lý sâu xa của pháp mà chư Phật đã dạy như thế, có khả năng biết như thật chẳng chấp thân Phật là danh, là sắc, cũng chẳng cho là Phật có đến, có đi, thì nên biết kẻ ấy đối với nghĩa lý sâu xa của pháp mà Phật đã dạy rõ biết như thật, chẳng chấp các pháp có đến có đi, có sinh có diệt, có nhiễm có tịnh. Do chẳng chấp nên có thể hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, cũng có thể siêng năng tu tập tất cả Phật pháp, là gần gũi với đối tượng mong đạt tới là quả vị Giác ngộ cao tốt, cũng gọi là đệ tử chân tịnh của Như Lai, chẳng bao giờ thọ cúng dường của quốc dân, mà có thể làm ruộng phước tốt cho tất cả, xứng đáng nhận đồ cúng dường của trời, người trong thế gian.

Lại nữa thiện nam, như trong biển lớn có các châu báu, châu báu đó chẳng phải từ mười phương đến, cũng chẳng phải do hữu tình ở trong đó tạo ra, cũng chẳng phải các báu này không có nhân duyên sinh ra. Nhưng vì do sức mạnh từ căn lành của các hữu tình, nên khiến trong biển có các báu sinh, khi các báu ấy sinh thì nương vào sức của nhân duyên hòa hợp mà có, chứ không từ đâu đến, khi các báu ấy diệt thì cũng không đi về đâu trong mười phương, chỉ vì sức mạnh từ căn lành của hữu tình hết nên khiến báu

kia diệt mất. Vì sao? Vì các pháp hữu vi, duyên hợp thì sinh, duyên lìa thì diệt, trong đó, hoàn toàn không có ai sinh, ai diệt. Vì vậy, các pháp không đến, không đi; thân của chư Như Lai cũng thế, ở trong mười phương, không từ đâu đến, cũng chẳng phải ở trong đó có người tạo tác, cũng chẳng thể nói là không có nhân duyên sinh ra, nhưng vì nương vào sự tu hành tịnh hạnh, viên mãn sẵn có làm nhân duyên và vì nương vào sự tu tập được thấy Phật trước kia của hữu tình đã thành thực cho nên có thân Như Lai xuất hiện ở đời. Khi thân Phật diệt, cũng không đi về đâu trong mười phương, chỉ do sức của nhân duyên hòa hợp đã hết nên diệt. Vì vậy, chư Phật không đến, không đi.

Lại nữa thiện nam, thí như cây đàn không hầu nương vào các loại nhân duyên hòa hợp mà có âm thanh phát sinh, nhân duyên của âm thanh ấy là cái cần, cái ống, khe hở, cái trục, sợi dây... tác ý của nhạc công. Như vậy, từng yếu tố thì chẳng có thể phát sinh âm thanh, khi hòa hợp lại, âm thanh của nó mới phát; âm thanh ấy phát sinh, không từ đâu đến, khi dứt đi cũng không đi về đâu.

Này thiện nam, thân của chư Như Lai cũng giống như thế, nương vào các thứ nhân duyên mà sinh, nhân duyên của thân ấy là vô lượng phước đức, trí tuệ và căn lành của sự tu tập được thấy Phật của các hữu tình đã thành thực. Như vậy, từng yếu tố một chẳng có thể sinh thân, khi hòa hợp lại, thân ấy mới sinh; thân đã sinh ấy không từ đâu đến, khi diệt cũng chẳng đi về đâu.

Này thiện nam, đối với tướng không đến đi của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, ông nên biết như thế. Theo đạo lý này thì đối với tướng không đến, không đi của tất cả các pháp cũng biết như thế.

Này thiện nam, nếu đối với Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và tất cả các pháp có thể biết như thật là không đến, không đi, không sinh không diệt, không nhiễm, không tịnh, thì nhất định có khả năng tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, đạt phương tiện thiện xảo, nhất định chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột.

Khi Đại Bồ-tát Pháp Dũng vì Đại Bồ-tát Thường Đề thuyết giảng về tướng không đến, không đi, của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cho đến Bạc-già-phạm, khiến cho tất cả đại địa, các núi, biển lớn và các Thiên cung, trong thế giới ba lần ngàn kia hiện đủ sáu thứ biến động, các cung điện của ma đều mất ánh sáng, các ma cùng đám ma quân thấy đều kinh sợ. Bấy giờ, hết thảy cây cỏ nơi rừng núi sinh hoa trái mùa trong khắp thế giới ba lần ngàn đều hướng về chỗ Đại Bồ-tát Pháp Dũng; trên không cũng mưa xuống các loại hương hoa.

Khi ấy, Thiên đế Thích, Tứ đại Thiên vương và các chúng trời ở trên không trung liền dùng các loại hoa hương hoa vi diệu của cõi trời tung rải cúng dường Đại Bồ-tát Pháp Dũng xong, lại dùng các thứ hương hoa cũng như thế tung rải cúng dường Bồ-tát Thường Đề và thưa rằng:

–Chúng tôi nhờ Đại sĩ nên được nghe giáo pháp thắng nghĩa như thế. Tất cả những người chấp giữ thân kiến ở thế gian được nghe pháp ấy rồi thì có thể xả bỏ chấp trước, thấy đều an trụ ở bậc Nan phục.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Thường Đề thưa với Đại Bồ-tát Pháp Dũng:

–Do nhân duyên gì đã khiến cho tất cả đại địa, các núi biển lớn ở thế giới này, hiện đủ sáu loại biến động và các loại tướng hy hữu?

Bồ-tát Pháp Dũng nói với Thường Đề:

–Do tôi trả lời câu hỏi của ngài về tướng không đến, không đi của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, ở trong chúng hội này, có tám ngàn chúng sinh đều chứng đắc Vô

sinh pháp nhãn lại có tám triệu chúng sinh đều phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột. Lại có tám vạn bốn ngàn chúng sinh xa lìa trần cấu, đối với các pháp, sinh pháp nhãn thanh tịnh. Do nhân duyên ấy khiến cho tất cả đại địa, các núi biển lớn ở trong thế giới này hiện đủ sáu thứ biến động và các tướng hy hữu.

Bồ-tát Thường Đề nghe vậy rồi thì vô cùng mừng vui suy nghĩ: “Ta nay đã được thiện lợi lớn, đó là do ta hỏi Bồ-tát Pháp Dũng, giúp cho các hữu tình được nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nói về tướng không đến, không đi của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác như thế, khiến cho số đông như vậy đạt lợi ích lớn. Ta nhờ căn lành thù thắng như thế có đủ thành tựu đối tượng mong đạt tới là quả vị Giác ngộ cao tột. Đối với quả vị ấy, ta không còn nghi ngại và lo lắng gì nữa, ở đời vị lai ta nhất định thành Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, đem lại ích lợi an lạc cho vô lượng hữu tình.” Nghĩ như thế rồi thì hết sức vui mừng bèn vụt lên không cao bằng bảy cây Đa-la. Lại nghĩ: “Ta nên lấy gì để cúng dường Đại sư Bồ-tát Pháp Dũng nhằm đáp lại ân đã vì ta nói pháp.”

Bấy giờ, Thiên đế Thích biết rõ tâm niệm ấy, nên hóa ra vô lượng hương hoa vi diệu, muốn đem dâng cho Bồ-tát Thường Đề nên thưa rằng:

Thưa Đại sĩ, bây giờ xin ngài hãy thương xót tôi mà nhận những hoa này để đem cúng dường Bồ-tát Pháp Dũng. Đại sĩ nên thọ nhận đồ cúng dường của chúng tôi. Chúng tôi nay xin dốc hỗ trợ cho Đại sĩ thành tựu các công đức. Vì sao? Vì nhờ Đại sĩ mà vô lượng trăm ngàn hữu tình chúng tôi đạt được lợi ích lớn, đó là chắc chắn sẽ chứng đối tượng mong đạt tới, là quả vị Giác ngộ cao tột. Đại sĩ nên biết, có các bậc luôn vì tất cả hữu tình, trải qua vô lượng, vô số đại kiếp chịu các khổ nhọc, như Đại sĩ chẳng hạn, rất là khó gặp, vì vậy nay xin nhận đồ cúng dường của tôi.

Đại Bồ-tát Thường Đề bèn nhận hương hoa vi diệu của Thiên đế Thích, tung rải cúng dường Đại Bồ-tát Pháp Dũng rồi, từ trên không trở xuống, đánh lễ sát chân, chấp tay cung kính thưa:

–Bach Đại sư, từ ngày hôm nay tôi nguyện đem thân mạng mình phụng sự Đại sư, để hầu ngài sai bảo.

Nói như thế rồi thì chấp tay đứng trước Đại Bồ-tát Pháp Dũng.

Khi ấy, nữ trưởng giả và các quyến thuộc đều cung kính chấp tay thưa với Bồ-tát Thường Đề:

–Từ nay chúng con cũng xin đem thân mạng phụng sự hầu ngài, xin ngài thương xót chấp thuận. Nhờ căn lành này, nguyện sẽ đạt được pháp thù thắng đồng với quả vị chứng đắc của ngài như thế, nguyện đời vị lai luôn được gần gũi ngài, thường theo hầu cận, cúng dường chư Phật và chư Bồ-tát đồng tu phạm hạnh.

Bồ-tát Thường Đề liền đáp lời họ:

–Các vị đã dốc lòng theo ta thì phải tuân theo sự chỉ dạy của ta, ta sẽ chấp thuận.

Nữ trưởng giả thưa với Bồ-tát Thường Đề:

–Chúng con thành tâm theo ngài, xin tuân theo sự chỉ dạy của ngài.

Bồ-tát Thường Đề liền khiến nữ trưởng giả và các quyến thuộc đều dùng các vật dụng trang nghiêm vi diệu mà tự trang sức, lại đem năm trăm xe đẹp làm bằng bảy báu và các vật phẩm cúng dường cùng lúc dâng lên Bồ-tát Pháp Dũng, thưa rằng:

–Thưa Đại sư, tôi xin đem nữ trưởng giả và các thứ như thế dâng cúng Đại sư, xin ngài từ bi vì tôi mà thọ nhận!

Lúc này Thiên đế Thích khen ngợi Bồ-tát Thường Đề:

–Hay thay, hay thay! Là Đại sĩ mới có thể xả thí như thế. Pháp của Đại Bồ-tát là

nên xả thí tất cả mọi sở hữu của mình. Nếu Đại Bồ-tát có thể học pháp xả thí tất cả như thế thì mau chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Nếu đối với Pháp sư, có thể thực hiện được việc cung kính cúng dường như thế, không chút luyến tiếc thì nhất định được nghe phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ khi tinh tấn tu học đạo Bồ-tát cũng nhằm thưa hỏi về phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa mà xả bỏ các sở hữu, do đó đã chứng đắc đối tượng mong đạt tới là quả vị Giác ngộ cao tột.

Khi ấy, Bồ-tát Pháp Dũng muốn khiến cho căn lành đã gieo trồng của Bồ-tát Thường Đề được viên mãn, nên hoan hỷ nhận nữ trưởng giả và các quyến thuộc, năm trăm cỗ xe báu cùng các vật phẩm cúng dường; nhận xong thì cho trở lại cho Bồ-tát Thường Đề.

Bồ-tát Pháp Dũng thuyết pháp đã lâu, mặt trời sắp lặn, biết chúng mệt mỏi, nên rời tòa Sư tử, vào lại trong cung.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Thường Đề thấy Đại Bồ-tát Pháp Dũng trở lại cung rồi, bèn suy nghĩ: “Ta vì chánh pháp cho nên đến đây, chưa được nghe chánh pháp thì chẳng nên ngồi, nằm, ta chỉ nên đứng, đi, giữ vững oai nghi để đợi Đại sư. Bồ-tát Pháp Dũng sẽ ra khỏi cung thuyết giảng pháp tối thắng.”

Bồ-tát Pháp Dũng đã vào cung rồi, trải qua thời gian bảy năm, nhất tâm bất loạn, thể hiện diệu dụng vô lượng, vô số các pháp môn Tam-ma-địa của Bồ-tát, an trú nơi vô lượng, vô số phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Bồ-tát Thường Đề suốt trong bảy năm, chẳng ngồi, chẳng nằm, chẳng đi, chỉ đứng, chẳng màng chuyện ngủ nghỉ, chẳng nhớ về ngày đêm, chẳng quản mệt mỏi, chẳng nghĩ tới ăn uống, chẳng ngại lạnh nóng, chẳng duyên theo trong ngoài, chẳng từng khởi tâm tham dục, giận dữ, mưu hại... và các thứ phiền não ô nhiễm trói buộc khác, chỉ nghĩ thế này: “Khi nào thì Bồ-tát Pháp Dũng từ Tam-ma-địa xuất, ta và quyến thuộc phải trải pháp tòa, rải quét mặt đất sạch sẽ, rải các hương hoa. Bồ-tát Pháp Dũng sẽ lên tòa này thuyết giảng về phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa và pháp tối thắng khác.” Trong khi đó, nữ trưởng giả và các quyến thuộc, cũng suốt trong bảy năm, chỉ đi, chỉ đứng, mọi đối tượng rời bỏ hay nhớ nghĩ đều noi theo Bồ-tát Thường Đề, tới lui luôn theo chưa từng rời bỏ.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Thường Đề dốc lòng như thế trải qua bảy năm rồi, bỗng nhiên nghe có tiếng trên không bảo:

–Này thiện nam, sau bảy ngày nữa, Bồ-tát Pháp Dũng sẽ ra khỏi định, ở trong thành này, thuyết giảng chánh pháp.

Bồ-tát Thường Đề nghe tiếng trên không rồi thì hết sức mừng vui liền nghĩ: “Nay ta sẽ vì Bồ-tát Pháp Dũng trải bày pháp tòa Sư tử cho thật trang nghiêm, rải quét mặt đất, rải hương hoa vi diệu, để thỉnh Đại sư của ta lên pháp tòa này, vì đại chúng nêu giảng phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa và các pháp tối thắng khác.”

Bồ-tát Thường Đề nghĩ như thế rồi thì cùng với nữ trưởng giả và các quyến thuộc lo việc trải tòa Sư tử bằng bảy báu. Lúc này, nữ trưởng giả và đám quyến thuộc mỗi người đều cởi một chiếc áo đẹp nhất đang mặc, vì Pháp sư nói pháp, trải chồng lên bảo tòa. Bồ-tát Thường Đề đã trải tòa xong, tìm nước để rải lên mặt đất nhưng chẳng có. Vì sao? Vì ác ma đã che giấu nước khắp trong ngoài thành, khiến cho chẳng hiện. Ma nghĩ thế này: “Bồ-tát Thường Đề tìm nước chẳng được thì sẽ sầu lo khổ não, mệt nhọc

tâm trở nên yếu kém hoặc chuyển đổi thì đối với quả vị Giác ngộ cao tột, căn lành chẳng tăng, trí tuệ chẳng tỏa chiếu; đối với trí Nhất thiết mà có sự trì trệ thì chẳng thể làm trống vắng cảnh giới của ta được.”

Bồ-tát Thường Đề dùng đủ các thứ phương tiện tìm nước mà không được, bèn suy nghĩ: “Ta nên chích thân lấy máu để rưới lên đất, chớ để bụi bay lên làm bẩn Đại sư của ta. Nay thân ta nhất định sẽ hư hoại, thế thì cái thân hư giả như thế để làm gì! Ta từ vô thủy đến nay, lưu chuyển trong sinh tử, thường vì năm thứ dục làm tan mất thân mạng, nhưng chưa từng vì chánh pháp mà xả thân. Vì vậy, nay phải chích thân lấy máu.”

Nghĩ như thế rồi, Bồ-tát liền cầm dao bén chích khắp thân hình, dùng máu để rưới đất. Khi ấy nữ trưởng giả và đám quyến thuộc cũng noi theo Bồ-tát Thường Đề, chích máu để rưới đất.

Bồ-tát Thường Đề, nữ trưởng giả... mọi người đều vì pháp nên chích thân mình lấy máu, thậm chí chẳng khởi một tâm niệm nào khác.

Các ác ma lúc này chẳng còn cơ hội, cũng chẳng có thể làm trở ngại được việc tu các điều thiện, vì tâm của Bồ-tát Thường Đề... dững mãnh kiên quyết.

Bấy giờ, Thiên đế Thích chứng kiến sự việc này bèn suy nghĩ: “Bồ-tát Thường Đề, nữ trưởng giả... rất là hy hữu! Do nhân duyên yêu quý kính trọng chánh pháp đến nỗi chích cả toàn thân ra máu, vì Pháp sư nói pháp mà rưới khắp mặt đất, chẳng hề dấy khởi một tâm niệm khác, khiến cho lũ ác ma tìm cách quấy phá chẳng có cơ hội, cũng chẳng có thể làm trở ngại việc tu các điều thiện. Lại thay, Đại sĩ! Chỉ ngài mới có thể mang áo giáp thệ nguyện rộng lớn kiên cố như thế, vì muốn đem lại lợi lạc cho tất cả hữu tình, nên đem tâm thuần tịnh, chẳng nghĩ tới thân mạng để cầu quả vị Giác ngộ cao tột, thường phát thệ rằng: “Ta vì nhằm cứu giúp cho tất cả hữu tình đang còn chìm đắm trong sinh tử, chịu vô lượng, vô biên nỗi khổ to lớn về thân tâm mà cầu quả vị Giác ngộ cao tột. Sự việc nếu chưa thành tựu thì quyết không lùi bỏ!”

Thiên đế Thích suy nghĩ như thế rồi, tức thì biến máu chảy ra từ thân của Bồ-tát Thường Đề... tất cả đều thành nước thơm chiên-đàn, khiến cho chỗ đất đã rưới bốn phía quanh pháp tòa mỗi bên rộng ngót một trăm do-tuần đều có mùi thơm chiên-đàn của cõi trời đất kỳ lạ hơn hết, chẳng thể nghĩ bàn.

Thiên đế Thích làm việc ấy rồi, khen ngợi Bồ-tát Thường Đề:

–Hay thay, hay thay! Chí nguyện của Đại sĩ kiên cố khó chuyển, luôn tinh tấn dững mãnh chẳng thể nghĩ bàn, sự yêu kính dốc cầu chánh pháp rất là cao cả. Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ cũng do chí nguyện kiên cố, dững mãnh tinh tấn, yêu kính dốc cầu chánh pháp, tu hành phạm hạnh thanh tịnh của Bồ-tát mà chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột. Nay đây, chí nguyện của Đại sĩ, tinh tấn, yêu kính dốc cầu chánh pháp như thế, cũng nhất định sẽ chứng đắc đối tượng mong đạt đến là quả vị Giác ngộ cao tột.

Bấy giờ, Bồ-tát Thường Đề lại nghĩ: “Ta nay đã vì Bồ-tát Pháp Dững trái bày pháp tòa Sư tử bằng bảy báu, quét rưới mặt đất, khiến cho cả khu này vô cùng thơm tho, tinh khiết, vậy còn phải làm thế nào có được các thứ hương hoa vi diệu để rải quanh pháp tòa, tăng vẻ trang nghiêm cho khu vực và khi Đại sư thăng tòa thuyết pháp, ta có hương hoa để mang rải cúng dường.”

Thiên đế Thích biết được ý nghĩ đó, liền biến hóa ra hương hoa vi diệu, số lượng bằng ngàn học của nước Ma-kiệt-đề, kính dâng lên Bồ-tát Thường Đề và sai quyến thuộc cùng mang đến để cúng dường.

Khi ấy, Bồ-tát Thường Đề nhận hoa do Thiên đế Thích hiến tặng thì đem phân

làm hai phần, trước tiên mang một phần cùng với các quyển thuộc rải quanh bốn phía pháp tòa để tăng thêm trang nghiêm cho khu đất; phần còn lại đợi khi Đại sư thăng tòa thuyết pháp thì sẽ đem tung rải cúng dường.

Đại Bồ-tát Pháp Dũng, sau bảy ngày thị hiện diệu dụng nơi các nẻo Tam-ma-địa rồi thì an nhiên thư thái ra khỏi định, vì nhằm thuyết giảng Bát-nhã ba-la-mật-đa, được vô lượng trăm ngàn quyển thuộc vây quanh, nên ra khỏi cung, lên tòa Sư tử, ung dung an tọa giữa đại chúng.

Bồ-tát Thường Đề khi được chiêm ngưỡng Đại Bồ-tát Pháp Dũng lần nữa, lại càng vui mừng hơn, thân tâm hết sức an lạc, giống như Bí-sô gắn chặt tâm niệm vào một cảnh, bỗng nhiên được nhập vào cõi Thiên thứ ba, liền cùng với đám quyển thuộc mang phần hương hoa vi diệu còn dành lại trước đây tung rải để cúng dường; xong xuôi, đảnh lễ sát chân, nhiễu quanh bên mặt ba vòng, rồi lui ra ngồi một bên.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Pháp Dũng nói với Đại Bồ-tát Thường Đề:

–Này thiện nam, hãy lắng nghe, hãy lắng nghe và suy nghĩ chín chắn! Ta sẽ vì ông mà nêu giảng về Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bồ-tát Thường Đề thưa:

–Dạ xin Ngài giảng giải, chúng tôi xin lắng nghe.

Bồ-tát Pháp Dũng nói với Bồ-tát Thường Đề:

–Này thiện nam, vì tất cả pháp là bình đẳng, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng bình đẳng. Vì tất cả pháp là xa lìa, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng xa lìa. Vì tất cả pháp là bất động, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng bất động. Vì tất cả pháp vô niệm, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô niệm. Vì tất cả pháp là vô úy, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô úy. Vì tất cả pháp là không lo sợ nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không lo sợ. Vì tất cả pháp là một vị, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng là một vị. Vì tất cả pháp là không giới hạn, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không giới hạn. Vì tất cả pháp là không sinh, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sinh. Vì tất cả pháp là không diệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không diệt. Vì cõi thái hư không là vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì nước nơi biển lớn là vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì núi Diệu cao là vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì núi Diệu cao là hùng vĩ, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng hùng vĩ. Vì cõi thái hư không là không phân biệt, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không phân biệt.

Này thiện nam, vì sắc vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì thọ, tưởng, hành, thức vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì nhãn xứ vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì sắc xứ vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì nhãn giới vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý giới vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì sắc giới vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì thanh, hương, vị, xúc, pháp giới vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì nhãn thức giới vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì nhãn xúc vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-

mật-đa cũng vô biên; vì các thọ do nhĩ, tử, thiệt, thân, ý xúc làm duyên sinh ra vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì địa giới vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì thủy, hỏa, phong, không, thức giới vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì nhân duyên vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên, tăng thượng duyên vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì các pháp từ duyên sinh ra vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì vô minh vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, hữu, sinh, lão tử, sầu bi khổ ưu não vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên.

Này thiện nam, vì Bồ thí ba-la-mật-đa vô biên vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì Tịnh giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự phương tiện thiện xảo, diệu nguyện, lực, trí vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì pháp không bên trong vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì pháp không bên ngoài, pháp không cả trong ngoài, pháp không không, pháp không lớn, pháp không thắng nghĩa, pháp không hữu vi, pháp không vô vi, pháp không rốt ráo, pháp không không biên giới, pháp không tản mạn, pháp không không đối khác, pháp không bản tánh, pháp không tự tướng, pháp không cộng tướng, pháp không nơi tất cả pháp, pháp không chẳng thể nắm bắt được, pháp không không tánh, pháp không tự tánh, pháp không không tánh tự tánh vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì chân như vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì pháp giới, pháp tánh, tánh không hư vọng, tánh chẳng đối khác, tánh bình đẳng, tánh ly sinh, pháp định, pháp trụ, thật tế, cảnh giới, hư không, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì bốn Niệm trụ vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy chi Đẳng giác, tám chi Thánh đạo vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì Thánh đế khổ vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì Thánh đế tập, diệt, đạo vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì đạo nghiệp mười điều thiện vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì tu thí giới vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì bốn Tĩnh lự vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì bốn Vô lượng, bốn Định vô sắc vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì tám Giải thoát vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Biến xứ vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì pháp môn giải thoát Không vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì pháp môn giải thoát Vô tướng, Vô nguyện vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì pháp môn Đà-la-ni vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì pháp môn Tam-ma-địa vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì mười địa của Bồ-tát vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên.

Này thiện nam, vì năm loại mắt vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì sáu phép thần thông vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì mười lực của Phật vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì pháp không quên mất vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì tánh luôn luôn xả vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì trí Nhất thiết vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng vô biên nên biết Bát-



nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì ba mươi hai tướng của bậc Đại sĩ vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì tám mươi vẻ đẹp phụ thuộc vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì quả Dự lưu vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán, quả vị Độc giác vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì tất cả hạnh Đại Bồ-tát vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì quả vị Giác ngộ cao tột của chư Phật vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì tất cả pháp hữu lậu vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì tất cả pháp vô lậu vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì tất cả pháp hữu vi vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên; vì tất cả pháp vô vi vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vô biên. Vì Kim cang dụ bình đẳng nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng bình đẳng; vì tất cả pháp không hoại, nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không hoại; vì tất cả pháp không tạp nhiễm nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không tạp nhiễm. Vì tất cả pháp không sai biệt nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không sai biệt; vì tự tánh của các pháp chẳng thể nắm bắt được nên biết tự tánh của Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không thể nắm bắt được. Vì các pháp không có sở hữu, bình đẳng nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa không có sở hữu cũng bình đẳng; vì các pháp không có sự tạo tác nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có sự tạo tác; vì các pháp chẳng thể nghĩ bàn nên biết Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Thường Đề nghe nói về cú nghĩa sai biệt của Bát-nhã ba-la-mật-đa, liền ngay trước pháp tòa, đắc sáu mươi ức pháp môn Tam-ma-địa, đó là Tam-ma-địa Chư pháp bình đẳng, Tam-ma-địa Chư pháp xa lìa, Tam-ma-địa Chư pháp bất động, Tam-ma-địa Chư pháp vô niệm, Tam-ma-địa Chư pháp vô úy, Tam-ma-địa Chư pháp vô cụ, Tam-ma-địa Chư pháp nhất vị, Tam-ma-địa Chư pháp vô tế, Tam-ma-địa Chư pháp vô sinh, Tam-ma-địa Chư pháp vô diệt, Tam-ma-địa hư không vô biên, Tam-ma-địa Đại hải vô biên, Tam-ma-địa Diệu cao sơn vô biên, Tam-ma-địa Diệu cao sơn nghiêm hảo, Tam-ma-địa hư không không phân biệt, Tam-ma-địa các uẩn sắc... vô biên, Tam-ma-địa các xứ nhãn... vô biên, Tam-ma-địa các xứ sắc... vô biên, Tam-ma-địa các giới nhãn... vô biên, Tam-ma-địa các giới sắc... vô biên, Tam-ma-địa các giới nhãn thức... vô biên, Tam-ma-địa nhãn xúc... vô biên, Tam-ma-địa các thọ do nhãn xúc... làm duyên sinh ra vô biên. Tam-ma-địa địa giới... vô biên, Tam-ma-địa Nhân duyên... vô biên, Tam-ma-địa các pháp từ duyên sinh ra vô biên, Tam-ma-địa các chi duyên khởi vô biên, Tam-ma-địa các Ba-la-mật-đa vô biên, Tam-ma-địa nhất thiết không vô biên, Tam-ma-địa chân như các pháp... vô biên, Tam-ma-địa pháp phần Bồ-đề vô biên, Tam-ma-địa các Thánh đế vô biên, Tam-ma-địa các đạo nghiệp thiện vô biên, Tam-ma-địa thí giới tu vô biên, Tam-ma-địa Tĩnh lự, Vô lượng, Vô sắc vô biên, Tam-ma-địa giải thoát thắng xứ... đến biến xứ vô biên; Tam-ma-địa môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện, vô biên, Tam-ma-địa môn tổng trì, đẳng trì vô biên; Tam-ma-địa các địa Bồ-tát vô biên; Tam-ma-địa năm loại mắt, sáu phép thần thông vô biên, Tam-ma-địa các lực, vô úy, vô ngại giải, đại Từ, Bi, Hỷ, Xả pháp Phật bất cộng vô biên, Tam-ma-địa pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả vô biên, Tam-ma-địa trí Nhất thiết, trí Đạo tướng, trí Nhất thiết tướng vô biên, Tam-ma-địa các tướng, vẻ đẹp phụ thuộc vô biên, Tam-ma-địa Thanh văn thừa vô biên, Tam-ma-địa Độc giác thừa vô biên, Tam-ma-địa Vô thượng thừa vô biên; Tam-ma-địa pháp hữu lậu, vô lậu vô biên; Tam-ma-địa pháp hữu vi, vô vi vô biên; Tam-ma-địa kim cang dụ bình đẳng vô biên; Tam-ma-địa các pháp không hoại,

Tam-ma-địa các pháp không tạp nhiễm, Tam-ma-địa các pháp không sai biệt, Tam-ma-địa tự tánh các tánh chẳng thể nắm bắt được, Tam-ma-địa các pháp không sở hữu, bình đẳng, Tam-ma-địa các pháp không sở tác; Tam-ma-địa các pháp chẳng thể nghĩ bàn; chứng đắc sáu mươi tám ngàn môn Tam-ma-địa như thế, Bồ-tát Thường Đề đã đạt được các pháp môn Tam-ma-địa rồi, tức thời hiện thấy các Bạc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện tại có đại chúng Thanh văn, Bồ-tát vây quanh, trong hằng hà sa thế giới ba lần ngàn ở Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn hướng và trên dưới, nhiều như cát sông Hằng, dùng danh như thế, câu như thế, chữ như thế, diệu lý như thế, vì các Đại Bồ-tát nêu giảng về Bát-nhã ba-la-mật-đa. Cũng như nay Ta ở thế giới ba lần ngàn này, có đại chúng Thanh văn Bồ-tát vây quanh, sẽ dùng danh như thế, câu như thế, chữ như thế, diệu lý như thế, sẽ vì các chúng Đại Bồ-tát nêu giảng về Bát-nhã ba-la-mật-đa... không sai khác. Bồ-tát Thường Đề, từ đó về sau là bậc Đa văn, trí tuệ chẳng thể nghĩ bàn, giống như biển cả, tùy nơi thọ sinh, luôn gặp chư Phật, thường sinh vào quốc độ vi diệu thanh tịnh của chư Phật, cho đến cả trong mộng cũng luôn thấy Phật vì mình thuyết giảng Bát-nhã ba-la-mật-đa, gần gũi cúng dường, luôn hết lòng gắn bó, xa lìa các pháp hệ lụy, đầy đủ sự an lạc tự tại.

## M

### Phẩm 79: KẾT KHUYẾN

Này Thiện Hiện, nên biết do diệu lý oai đức của Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thù thắng, khiến các Bồ-tát có thể mau phát huy được trí Nhất thiết trí. Vì vậy này Thiện Hiện, nếu Đại Bồ-tát muốn học sáu pháp Ba-la-mật-đa mau được viên mãn, muốn thông đạt đầy đủ cảnh giới của chư Phật, muốn chứng đắc thân thông tự tại của chư Phật, muốn mau chứng đắc trí Nhất thiết trí, muốn có thể đem lại lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình một cách rốt ráo thì nên học Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, nên đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, cung kính lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, rốt ráo thông suốt, đúng như giáo pháp tu tập, đúng như lý tư duy về diệu nghĩa sâu xa, biên chép, truyền bá, vì người giảng nói, nên dùng các loại tràng hoa, các thứ hương xoa, hương bột, y phục, chuỗi ngọc, cờ phướn, lọng báu, nhạc hay, đèn sáng thuộc loại thượng diệu và các vật quý hiếm khác, cung kính cúng dường tôn trọng, ngợi khen. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa đã thuyết giảng này là mẹ chính sinh thành nuôi dưỡng của chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, là Bạc Thầy mẫu mực chân chính của các bậc Đại Bồ-tát; tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều cùng tôn trọng cung kính, khen ngợi. Tất cả chúng Đại Bồ-tát đều cúng dường, tinh tấn dốc sức tu học; đó là giáo huấn chân thật của Như Lai.

Bấy giờ, Phật bảo Tôn giả A-nan-đà:

–Đối với Như Lai ông có ái kính chăng?

Tôn giả A-nan-đà thưa:

–Bạch Thế Tôn, dạ có! Bạch Thiện Thệ, con thật có lòng ái kính đối với Phật.

Như Lai tự biết!

Phật bảo Khánh Hỷ:

–Đúng vậy, đúng vậy, ông đối với Ta thật có lòng ái kính, từ trước đến nay ông luôn thể hiện từ hòa, tốt đẹp, cung kính, cúng dường, theo hầu bên Ta, chưa từng sai trái.

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Này Khánh Hỷ, ông nên dùng sự ái kính cúng dường chân thật đối với thân Ta khi Ta còn ở đời. Sau khi Ta Niết-bàn, ông cũng nên dùng sự ái kính như thế mà cúng dường, tôn trọng đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa.

Lần thứ hai, lần thứ ba, Đức Phật đem Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa giáo huấn Khánh Hỷ như thế, khiến Tôn giả vô cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường hơn là cúng dường đối với thân Như Lai.

Đức Phật nói với Tôn giả Khánh Hỷ:

–Ta đem Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, trước đại chúng hôm nay giao phó cho ông, ông nên thọ trì. Sau khi Ta Niết-bàn, cho đến một chữ chớ để quên mất. Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, tùy theo thời gian, nơi chốn mà nó lưu hành rộng rãi ở thế gian, nên biết, tức là có chư Phật Thế Tôn hiện trú nơi thế gian vì đại chúng thuyết giảng chánh pháp.

Khánh Hỷ nên biết, nếu có ai đối với Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này, cung kính lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, thông suốt rõ ràng, theo đúng giáo pháp tu hành, tư duy đúng như lý về diệu nghĩa sâu xa, biên chép truyền bá, vì người khác giảng nói, lại dùng các loại tràng hoa, hương xoa, hương bột, y phục, chuỗi ngọc, cờ phướn, lọng báu, nhạc hay đèn sáng thuộc loại thượng diệu và các vật quý hiếm khác cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen thì nên biết người ấy luôn được gặp chư Phật, lắng nghe chánh pháp, tu các phạm hạnh.

Khi ấy, Bạc Bạc-già-phạm nói kinh pháp này xong, vô lượng chúng Đại Bồ-tát, Bồ-tát Từ Thị là thượng thủ, các Tôn giả Đại Ca-diếp-ba, Xá-lợi-phất, A-nan-đà... Các Đại Thanh văn và các chúng Trời, Rồng, Người và Phi nhân... khác, tất cả đại chúng nghe Phật giảng nói rồi đều hoan hỷ, tín thọ, phụng hành.

